

Bản án số: 202/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19-12-2022

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Lộc
2. Ông Trần Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 19 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 329/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Bích T, sinh năm 1983 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh G, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trình bày của bà Phạm Bích T tại đơn khởi kiện ngày 04/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án:*

Về hôn nhân: Bà Phạm Bích T và ông Nguyễn Minh G tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 30/7/2004. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông G.

Về con chung: Bà Phạm Bích T và ông Nguyễn Minh G 02 người con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 30/12/2004 (giới tính nam) và Nguyễn Linh Đ, sinh

ngày 30/5/2014 (giới tính nữ). Khi ly hôn, bà T tiếp tục nuôi dạy 02 con chung và không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T và ông G tự thỏa thuận phân chia, không đặt ra yêu cầu xem xét.

Nợ chung: Bà T xác định không có nên không đặt ra yêu cầu xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Phạm Bích T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh G. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông Nguyễn Minh G có nơi cư trú tại Ấp A, xã TLB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng ông Nguyễn Minh G vắng mặt không có lý do, bà Phạm Bích T xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T, ông G theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[2] Về hôn nhân: Bà Phạm Bích T và ông Nguyễn Minh G tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 30/7/2004. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông G. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông G đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống, bà T xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để bà T và ông G có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do ông G vắng mặt không có lý do, thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng của ông bà đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà T và ông G được ly hôn là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà Phạm Bích T và ông Nguyễn Minh G có 02 người con chung tên Nguyễn Thanh H, sinh ngày 30/12/2004 (giới tính nam) và Nguyễn Linh

Đ, sinh ngày 30/5/2014 (giới tính nữ). Khi ly hôn, bà T yêu cầu tiếp tục nuôi dạy 02 con chung và không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Nguyễn Thanh H đã trưởng thành, tự lo cho bản thân cháu nên không xem xét. Đối với cháu Nguyễn Linh Đ đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng sống chung với mẹ, từ trước đến nay cháu sinh sống ổn định với bà T nên cần chấp nhận để cho bà T tiếp tục nuôi dạy cháu Đang là phù hợp. Bà T không đặt ra yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Tài sản chung: Bà Phạm Bích T xác định vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay ông G không có yêu cầu gì về tài sản chung. Do đó không xem xét là phù hợp.

Về nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án, quá trình giải quyết vụ án không ai đặt ra yêu cầu xem xét về nợ chung của vợ chồng nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vắng mặt bà Phạm Bích T và ông Nguyễn Minh G.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Bích T về việc ly hôn đối với ông Nguyễn Minh G.

2.1. Về hôn nhân: Bà Phạm Bích T và ông Nguyễn Minh G được ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 30/5/2014 (giới tính nữ) cho bà Phạm Bích T tiếp tục nuôi dạy. Bà T không đặt ra yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Ông G không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

2.3. Tài sản chung: Bà T và ông G tự thỏa thuận phân chia, không đặt ra yêu cầu xem xét.

Nợ chung: Không có.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Bích G phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 04 tháng 10 năm 2022, bà T có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0015250 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã TL;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Lan Anh